

Bản án số: **64/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 26-4-2019 .

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Công Tài.

+ Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 16/TB-TA ngày 09/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thanh Ph, sinh năm 1984. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quý B, sinh năm 1984. *Vắng mặt không có lý do.*

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn - chị Đinh Thị Thanh Ph trình bày: Chị và anh B tổ chức xây dựng gia đình vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 05/10/2005. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh B thường hay đánh đập chị. Nay chị Ph thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Chị Ph không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 08/01/2019, bị đơn – anh Nguyễn Quý B trình bày: Anh và chị Ph tổ chức xây dựng gia đình vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 05/10/2005. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn anh B không đồng ý, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B cố tình vắng mặt, Tòa án không thể hòa giải được. Tại phiên tòa, anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Đinh Thị Thanh Ph được ly hôn với anh Nguyễn Quý B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Quý B tại thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh Q N; chị Ph yêu cầu ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q N ngày 05/10/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Ph và anh B sống không hạnh phúc. Theo chị Ph, nguyên nhân do anh B thường xuyên đánh đập chị. Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2019, Ủy ban nhân dân xã Q cung cấp: “*Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh B*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị Ph và anh B đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Ph và anh B không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Ph là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph.

[3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Chị Ph và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thanh Ph về việc “Ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thanh Ph và anh Nguyễn Quý B.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Thanh Ph phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ph đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006906 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Thế